

## VÀI NÉT VỀ QUAN HỆ KINH TẾ HÀN QUỐC - TRUNG QUỐC (1992 - 2012)

**Đoàn Minh Triết**

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: trietdoanminh2010@gmail.com

*Ngày nhận bài: 19/6/2019; ngày hoàn thành phản biện: 23/6/2019; ngày duyệt đăng: 02/7/2019*

### TÓM TẮT

Ngày 24 tháng 8 năm 1992, quan hệ Hàn Quốc và Trung Quốc chính thức được khởi động với việc đi đến ký kết Thông cáo chung bình thường hóa quan hệ. Sau hơn hai thập niên kể từ thời điểm lịch sử nói trên, quan hệ giữa hai nước Hàn - Trung không ngừng được duy trì, củng cố và phát triển trên nhiều lĩnh vực, trước hết là về kinh tế - cơ sở vững chắc của mối quan hệ. Song bên cạnh đó, cũng nảy sinh những vấn đề quan ngại cần phải giải quyết đối với cả hai phía. Trên cơ sở phân tích những nhân tố tác động, tiến trình, thực trạng quan hệ kinh tế Hàn Quốc - Trung Quốc (1992 - 2012), bài viết đã đánh giá tác động nhiều chiều của mối quan hệ này về lĩnh vực quan hệ kinh tế song phương, đồng thời đưa ra những nhận xét đánh giá về tác động của mối quan hệ kinh tế giữa Hàn Quốc và Trung Quốc với khu vực, Việt Nam, Hàn Quốc và Trung Quốc.

**Từ khóa:** Bình thường hóa quan hệ, kinh tế, thực trạng, dự báo xu hướng.

## 1. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ KINH TẾ HÀN QUỐC - TRUNG QUỐC (1992 - 2012)

### 1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực châu Á - Thái Bình Dương

#### 1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Với sự ra đi của Chiến tranh lạnh và sự kết thúc trật tự hai cực Yalta (1989-1991) cùng với sự tác động của các nhân tố khác, từ cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, *một trật tự thế giới mới đang từng bước hình thành*. Theo nhận định của các nhà nghiên cứu quốc tế, trật tự này dựa trên cơ sở chính trị - kinh tế là chính chứ không phải dựa trên sự đối đầu về sức mạnh quân sự giữa hai siêu cường Xô - Mỹ như trước đây nữa, *trong đó lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm trở thành xu thế*. Trong trật tự thế giới mới, *các nước đang và sẽ chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hoà hoãn, bình thường hoá, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế phù hợp với xu thế hòa dịu trên qui mô thế giới*. Trật tự đa trung tâm trong tương lai *“sẽ làm nổi bật tính đa dạng trong sự phát triển của*

thế giới, đa dạng về thể chế, chế độ chính trị, về loại hình cấu trúc xã hội, đa dạng về trình độ, cung bậc phát triển, về hình thức liên kết khu vực hoặc đứng tách riêng<sup>1</sup>. Bước vào những năm đầu tiên của thế kỷ XXI, nhân loại chứng kiến sự chuyển biến to lớn trong cục diện chính trị thế giới, cán cân quyền lực theo dự báo đang dịch chuyển dần từ Tây sang Đông.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, trước hết là *cuộc cách mạng thông tin* đã hình thành một hệ thống liên lạc toàn cầu nâng tốc độ thông tin tăng lên hàng triệu lần, khả năng đi lại của con người tăng lên hàng ngàn lần...<sup>2</sup>. Các hoạt động giao dịch về hàng hóa, dịch vụ, vốn công nghệ... xuyên quốc gia, kết nối thành mạng toàn cầu, làm cho các nền kinh tế phụ thuộc chặt chẽ vào nhau, qui định, chi phối lẫn nhau trong các mối quan hệ tác động qua lại nhiều chiều giữa nhiều chủ thể điều tiết: quốc gia, khu vực, quốc tế và các tập đoàn xuyên quốc gia (TNC), đa quốc gia (MNC)... Tất cả mở ra những cơ hội phát triển kinh tế to lớn cho mọi quốc gia dù lớn hay nhỏ, bên cạnh những thách thức, khó khăn không nhỏ nếu không biết tận dụng cơ hội phát triển.

Trong bối cảnh quốc tế mới có nhiều biến chuyển to lớn, sâu sắc, toàn diện và cũng cực kỳ năng động, đa dạng, phức tạp, tất cả các quốc gia và lãnh thổ đều phải có sự điều chỉnh chiến lược, chính sách để thích nghi với hoàn cảnh mới. Trong đó, xu thế chung là các nước đều đặt ưu tiên cao cho phát triển kinh tế, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại để tạo cho mình một thế đứng trên trường quốc tế và một vị thế thuận lợi cho việc đảm bảo an ninh quốc gia và phát triển đất nước.

### 1.1.2. Bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và xu thế toàn cầu hóa (globalization), sự hợp tác và tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế và chính trị giữa các quốc gia càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết. Bên cạnh đó, ý thức độc lập, tự chủ, tự cường quốc gia và tự cường khu vực của đông đảo các nước đang phát triển ngày càng trở dậy mạnh mẽ. Từ đây, đặt ra yêu cầu cấp bách cần có một cơ chế, tổ chức ở khu vực để cùng nhau hợp tác và đối phó với các thách thức mang tính toàn cầu.

Thể chế khu vực là tập hợp các quy tắc điều chỉnh xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh- quốc phòng, văn hóa- xã hội trong một vùng lãnh thổ, khu vực nào đó<sup>3</sup>. Thực tế cho thấy, xu hướng hợp tác sau Chiến tranh lạnh thường bao hàm tổng hợp nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống quốc tế nên thể chế khu vực cũng bao hàm toàn bộ các lĩnh vực đó.

<sup>1</sup> Hoàng Văn Hiến (Cb) (2002), Lịch sử quan hệ quốc tế 1945 - 1995, Nxb Đà Nẵng, tr.176.

<sup>2</sup> Hoàng Văn Hiến (2003), Một số vấn đề về quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại (Giáo trình chuyên đề), Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, tr.3.

<sup>3</sup> Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Luận văn Thạc sĩ Quốc tế học, Hà Nội, tr.17.

Là một bộ phận quan trọng của thế giới, khu vực châu Á - Thái Bình Dương (CA - TBD), đặc biệt là Đông Á, chịu sự tác động sâu sắc của bối cảnh quốc tế. Mặc dù còn tồn tại một số di sản của thời kỳ Chiến tranh lạnh nhìn chung, xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ngày càng được khẳng định một cách mạnh mẽ. Về kinh tế, CA - TBD đã và đang trở thành trung tâm phát triển kinh tế toàn cầu. Với thị trường 3000 tỷ USD, nhịp độ tăng hàng tuần 3 tỷ USD từ đầu những năm 90, tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả khu vực đứng hàng đầu thế giới, (CA - TBD “ là một thực thể hùng hậu, trẻ trung và cực kỳ năng động ”<sup>4</sup>. Trong gần hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, “mặc dù cũng chịu ảnh hưởng của sự khủng hoảng tài chính và suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, nhưng Châu Á- Thái Bình Dương vẫn chứng tỏ là khu vực kinh tế năng động nhất thế giới”<sup>5</sup>. Về chính trị, vai trò của các nước vừa và nhỏ ngày càng được tăng cường, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ hòa bình và duy trì ổn định trong khu vực - những điều kiện cần thiết cho sự hợp tác, phát triển của các nước. Quan hệ giữa các nước khác biệt chế độ chính trị - xã hội không ngừng được cải thiện như quan hệ giữa hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN, giữa Trung Quốc với các nước lớn trong khu vực; sự tham gia tích cực của các nước vào Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)... ; đặc biệt, tình hình trên bán đảo Triều Tiên được cải thiện theo chiều hướng giảm căng thẳng, tăng xu hướng đối thoại và hợp tác với những tiến triển đáng kể trong quan hệ hai miền Nam, Bắc bán đảo.

Sự tham gia tích cực vào các khối liên kết ở khu vực CA - TBD, tiến dần đến sự nhất thể hoá cao thông qua các văn bản, hiệp định kí kết và hiện thực hóa. Thế giới đã chứng kiến một loạt các khối liên kết kinh tế, chính trị khu vực lần lượt được hình thành như: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn Hợp tác kinh tế CA - TBD (APEC)... là “những khối liên kết phản ánh sinh động cho xu hướng hợp tác, hình thành nên các thể chế riêng ở trong khu vực”<sup>6</sup>. Sự hợp tác, phát triển và giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu đã kéo các nước xích lại gần nhau hơn để cùng nhau viết nên “luật chơi” mới, xây dựng cơ chế, thể chế đa phương ở phạm vi khu vực hay toàn cầu. Trước những thay đổi lớn lao của tình hình thế giới và khu vực, Hàn Quốc và Trung Quốc cũng không nằm ngoài xu thế này. Nhu cầu phát triển kinh tế và tình hình kinh tế, chính trị, quan hệ quốc tế của khu vực có những thay đổi tích cực nói trên là một trong những nhân tố tác động quan trọng đến việc hai quốc gia này sớm thiết lập quan hệ ngoại giao.

### 1.1.3. Nhân tố Mỹ và chính sách đối ngoại mới

Sau Chiến tranh lạnh, đứng trước bối cảnh mới của tình hình quốc tế và khu vực cũng như sự lớn mạnh không ngừng của Hàn Quốc, đặc biệt về kinh tế, mối quan

<sup>4</sup> Hoàng Văn Hiến (2003), Một số vấn đề về quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại (Giáo trình chuyên đề), Tlđđ, , tr.24.

<sup>5</sup> Ngô Xuân Bình (Cb) (2014), Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.51.

<sup>6</sup> Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr.18.

hệ liên minh này có những va chạm khá lớn, tính chất của quan hệ cũng chuyển dần từ quan hệ đồng minh quân sự sang quan hệ đối tác toàn diện, bình đẳng về chính trị, quân sự và kinh tế (vừa hợp tác, vừa cạnh tranh về thương mại). Tuy nhiên, mỗi liên minh này nhìn chung vẫn duy trì được sự phát triển “ truyền thống” ban đầu, không những thế nó còn phát triển sang các lĩnh vực khác và đã có tác động (theo từng cấp độ) đối với các nước trong khu vực Đông Á, đặc biệt là sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn có lợi ích tại địa bàn này mà Trung Quốc là một nhân tố chủ chốt, đang có tham vọng trở thành một cường quốc toàn cầu, muốn làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.

Ngay khi lên nắm quyền (1/1989) chính quyền Geogre Bush (cha) bên cạnh việc vẫn coi trọng khu vực châu Âu cũng đã bắt đầu chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang khu vực CA - TBD để duy trì địa vị siêu cường toàn cầu của mình. Sau “tấn thảm kịch nước Mỹ” ngày 11/09/2001 cụm từ “chủ nghĩa khủng bố” được nước Mỹ thường xuyên nhắc tới và “chống chủ nghĩa khủng bố” cũng trở thành CSDN được ưu tiên hàng đầu, xuyên suốt các nhiệm kỳ của Tổng thống Geogre W. Bush (con) và Tổng thống Barack Obama. Kể từ khi lên nắm quyền, Tổng thống Barack Obama đã đề ra chiến lược với tên gọi “xoay trục” hay “tái cân bằng” đối với khu vực CA - TBD một cách tổng thể, toàn diện, có mục tiêu rõ ràng. Các trụ cột của chiến lược là xây dựng một “Châu Á mở”, bao gồm tự do và công bằng thương mại, mở rộng sự thịnh vượng, du lịch mở, giải quyết một cách hòa bình các tranh chấp lãnh thổ và hàng hải, sự tham gia của một châu Á phát triển trong các tổ chức toàn cầu và những cơ chế mới để giải quyết các tranh chấp phát sinh. Riêng về kinh tế, chính quyền Tổng thống Obama theo đuổi chiến lược sử dụng chính sách ngoại giao để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Mỹ cũng rất coi trọng, phát triển các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với các nước trong khu vực, tiêu biểu là “Hiệp định thương mại tự do Mỹ - Hàn” chính thức có hiệu lực từ tháng 3/2012. Không những vậy, từ năm 2008, Mỹ còn tích cực thúc đẩy xây dựng các khung hợp tác kinh tế đa phương ở CA - TBD và chủ động thúc đẩy Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP. Sở dĩ Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược sang khu vực này vì nó đem lại nhiều lợi ích cho nước Mỹ và Mỹ “có lãnh đạo được thế giới hay không thì phải là ở đây”<sup>7</sup>. Việc thực thi chiến lược chịu tác động của 4 yếu tố quan trọng: Sự tăng trưởng kinh tế năng động của khu vực, đặc biệt là Trung Quốc; việc hiện đại hóa quân sự nhanh chóng của Trung Quốc cùng vị thế ngày càng quyết đoán ở Biển Đông và xa hơn nữa của nước này; Mỹ rút quân khỏi khu vực Trung Đông, đặc biệt là dưới sự ràng buộc tài chính hiện tại; gia tăng lợi ích kinh tế Mỹ, cũng

---

<sup>7</sup> Đỗ Phú Hải (2013), Thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao: hiện trạng, những vấn đề đặt ra và triển vọng, Hội thảo khoa học quốc tế, 9/2013. Dẫn theo: Ngô Xuân Bình (Cb) (2014), Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ, Sđd, tr.120.

như các cơ hội và mối quan tâm chiến lược trong khu vực<sup>8</sup>. Trong đó, sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc làm dấy lên mối lo ngại với Mỹ và phương Tây, đặc biệt là vị trí “nhất siêu” lâu nay của Mỹ.

Có thể nói, sự điều chỉnh chiến lược trong chính sách “xoay trục” của Mỹ ở khu vực CA - TBD, trong đó có chính sách kinh tế, cùng với tiềm lực sẵn có, sự hiện diện của Mỹ tại đây “sẽ tác động không nhỏ đến quan hệ giữa các nước lớn, cũng như làm cho cuộc cạnh tranh ở đây trở nên gay gắt và quyết liệt hơn bao giờ hết, điều này tác động mạnh mẽ đến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc, nhất là trong bối cảnh chuyển tiếp thể hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc”<sup>9</sup>. Ngoài ra, chính sách này rõ ràng đang đặt các nước lớn có lợi ích chiến lược trong khu vực rơi vào sự tranh giành ảnh hưởng quyết liệt, tác động không nhỏ tới sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc trong mối quan hệ với Hàn Quốc.

#### 1.1.4. Nhân tố Triều Tiên

Sau Chiến tranh lạnh, trong khi quan hệ ba bên ở phía Nam gồm Mỹ, Nhật, Hàn vẫn duy trì sự ổn định với việc Mỹ tiếp tục duy trì quân đội và căn cứ quân sự tại Nhật Bản, Hàn Quốc thì quan hệ ba bên ở phía Bắc gồm Nga, Trung Quốc, Triều Tiên lại có sự thay đổi, trong đó cả Nga và Trung Quốc đã lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc, xác lập quan hệ láng giềng hữu nghị. Trong giai đoạn đầu những năm 90, Triều Tiên liên tiếp phải đối mặt với những khó khăn chồng chất từ trong ra ngoài, từ an ninh, chính trị đến kinh tế, xã hội như năm 1991, Triều Tiên lại phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế toàn diện, đến năm 1994, Chủ tịch Triều Tiên Kim Il-sung qua đời, đã làm cho giới lãnh đạo Triều Tiên buộc phải có những biện pháp thúc đẩy chính sách “ngoại giao cứng rắn” và tiến tới chiến lược “hạt nhân” đầy mạo hiểm. Sau khi lên nắm quyền vào tháng 8/1994, Chủ tịch Kim Jong- Il đã đề ra chiến lược xây dựng “nước lớn thịnh vượng” xã hội chủ nghĩa (XHCN), từ đó chính sách ngoại giao Đông Bắc Á của quốc gia này có những thay đổi cơ bản, tác động đến khu vực.

Để làm cánh cửa mở ra quan hệ với Mỹ, Triều Tiên muốn sử dụng chiến lược “hạt nhân” Trong đó, việc gác lại những điểm bất lợi với Hàn Quốc chính là chìa khóa quan trọng để sớm thiết lập quan hệ với Mỹ, kể đến là Nhật Bản, từ đó làm cho các nước lớn xung quanh đạt được lợi ích lớn nhất về kinh tế, chính trị và góp phần giúp Triều Tiên thoát khỏi sự phụ thuộc vào các nước lớn, cũng như tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi để hoàn thành sự nghiệp thống nhất hai miền bán đảo Triều Tiên. Bên cạnh đó, Triều Tiên nỗ lực thúc đẩy phục hồi quan hệ ba bên ở phương Bắc: Nga, Trung Quốc, Triều Tiên cũng là một điểm mới trong chiến lược ngoại giao Đông Bắc Á của nước này. Điều này không chỉ có ý nghĩa góp phần đảm bảo môi trường an ninh

<sup>8</sup> Ngô Xuân Bình (Cb) (2014), Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ, Sđd, tr.120.

<sup>9</sup> Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđd, tr.25-26.

của Triều Tiên mà còn có tác dụng cải thiện quan hệ của Triều Tiên với Mỹ. Ngoài ra, Triều Tiên cũng muốn thông qua chiến lược “*phát triển bình đẳng*” trong lĩnh vực kinh tế với Hàn Quốc để tìm kiếm cơ hội đối thoại, hòa giải để thực hiện chính sách ngoại giao Đông Bắc Á của mình<sup>10</sup>.

## 1.2. Bối cảnh của Hàn Quốc và Trung Quốc

### 1.2.1. Hàn Quốc

#### 1.2.1.1. Chính sách ngoại giao phương Bắc của Hàn Quốc

Cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, “*kế thừa nền tảng khá tốt đẹp từ thời Chun Doo Hwan*”<sup>11</sup>, Tổng thống kế nhiệm Roh Tae Woo đã xác lập chính sách “*Ngoại giao phương Bắc*” với nội dung trọng tâm là cải thiện quan hệ với các nước XHCN, trong đó có Trung Quốc, Liên xô và khu vực Đông Âu<sup>12</sup>. Trong đó, Trung Quốc nằm trong những toan tính chính trị của Hàn Quốc và ngược lại để dẫn đến sự kiện hai nước bình thường hóa quan hệ từ tháng 8/1992. Đối với Hàn Quốc, việc thiết lập quan hệ hai nước “*có lợi cho việc nối lỏng căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên và cũng có lợi cho công cuộc kiến tạo hòa bình ở khu vực châu Á*”<sup>13</sup>. Thời Tổng thống Kim Young Sam cầm quyền, ông đã tiếp tục cải thiện quan hệ với Trung Quốc và có chuyến thăm Bắc Kinh (3/1994) nhằm tìm hướng giải quyết cho hai vấn đề quan trọng là phi hạt nhân và thống nhất bán đảo Triều Tiên. Bước tiến quan trọng trong thời kỳ Kim Dae Jung nắm quyền là đã nâng cấp quan hệ song phương lên tầm cao mới với Tuyên bố chung Hàn Quốc - Trung Quốc ra đời năm 1998. Thời Tổng thống Roh Moo Hyun, Hàn Quốc và Trung Quốc đã nâng cấp quan hệ song phương thành “*đối tác hợp tác toàn diện*”. Đến thời Lee Myung Bak, tuy có những tuyên bố củng cố quan hệ đồng minh truyền thống với Mỹ nhưng ông vẫn thúc đẩy quan hệ Hàn - Trung phát triển và đã góp phần nâng cấp quan hệ song phương lên “*đối tác hợp tác chiến lược*”.

#### 1.2.1.2. Hàn Quốc trong chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc

Là một quốc gia láng giềng, Hàn Quốc giữ một vị trí trọng yếu trong chiến lược an ninh quốc gia cũng như đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Vị trí đó càng được củng cố, tăng cường trong bối cảnh Mỹ thực hiện chính sách “*xoay trục*” ở CA- TBD cùng với những tranh chấp lãnh thổ căng thẳng gần đây trên vùng biển Hoa Đông giữa Nhật Bản và Trung Quốc.

---

<sup>10</sup> Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr.32.

<sup>11</sup> Phan Thị Anh Thư (2017), Giải mã chính sách của Hàn Quốc đối với Đông Bắc Á từ sau Chiến tranh lạnh đến đầu thế kỷ XXI, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr.56.

<sup>12</sup> Roh Tae Woo (1988), “Special Declaration on National Self-esteem, Unification and Prosperity” (The July 7<sup>th</sup> Declaration) Korea and World Affairs, Vol.12, No.3, Fall 1988, pp. 627-630.

<sup>13</sup> Government Information Agency of R.O.K (1992), The White Book for State Affairs (Seoul, GIA), P. 321.

Riêng về kinh tế, trong chiến lược phát triển, tính hợp tác, bổ sung trong cơ cấu kinh tế của Hàn Quốc là yếu tố thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp chế tạo của Trung Quốc. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro dẫn đến kinh tế suy thoái, Hàn Quốc chính là một trong những đối tác thương mại hàng đầu, đóng góp đáng kể vào tổng thu ngân sách của Trung Quốc. Năm 1992, khi hai nước mới thiết lập quan hệ ngoại giao, tổng kim ngạch hai chiều mới chỉ dừng ở 5,1 tỷ USD thì đến năm 2012, con số này đã đạt mức 215,11 tỷ USD<sup>14</sup>.

Ở góc độ hợp tác đa phương, Hàn Quốc còn là một khâu quan trọng trong việc cùng Trung Quốc tiến hành đàm phán thương mại với Nhật Bản, tiến tới một FTA Đông Bắc Á gồm 3 nước: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và xa hơn nữa là Hiệp định thương mại tự do khu vực Đông Á (ASEAN+3). Điều này sẽ làm tăng tính tùy thuộc lẫn nhau thông qua hoạt động thương mại, đầu tư ... từ đó sẽ kiểm soát tốt hơn những điểm nóng trong khu vực và chắc chắn với sức mạnh vượt trội, Trung Quốc sẽ tận dụng được lợi thế tốt nhất để trỗi dậy, từng bước làm thay đổi cán cân quyền lực giữa các trung tâm, nước lớn và cục diện chính trị thế giới.

## 1.2.2. Trung Quốc

### 1.2.2.1. Sự trỗi dậy của Trung Quốc

Về kinh tế, sau hơn 30 năm cải cách mở cửa (tính đến năm 2012), Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc trong phát triển kinh tế, nhiều năm liền trong giai đoạn từ 2001 đến 2010 mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) duy trì ở mức 10,39%. Nếu như năm 1978, GDP của Trung Quốc mới chỉ đạt gần 21 tỷ USD, thì đến năm 2010, GDP của Trung Quốc đã đạt 5.879 tỷ USD, vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới<sup>15</sup>.

Cho đến năm 2012, Trung Quốc luôn nằm trong top những nước đầu tư ra nước ngoài lớn nhất thế giới với tổng số vốn 87,8 tỷ USD, tăng 17,6% so với năm 2011. Các nhà đầu tư Trung Quốc đã thành lập khoảng 22.000 doanh nghiệp tại 179 nước và khu vực, với 1,49 triệu nhân viên ở nước ngoài, trong đó khoảng một nửa là người nước ngoài<sup>16</sup>.

Về chính trị - ngoại giao, Trung Quốc ngày càng đóng vai trò tích cực, quan trọng trong hoạt động của các tổ chức hợp tác đa phương khu vực và thế giới; cố gắng xây dựng hình ảnh một nước lớn thân thiện, là trung tâm kinh tế - chính trị ở

---

<sup>14</sup> Men Hong Hua, Shin Jung Seung (2014), Hợp tác Đông Bắc Á và quan hệ Trung - Hàn, Nxb Kinh tế Trung Quốc, Bắc Kinh, tr. 229, Dẫn theo Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr. 57.

<sup>15</sup> Chen Jie Gui, Li Yang (2011), Phân tích tiền cảnh kinh tế Trung Quốc, Báo cáo mùa Xuân năm 2011, tr. 47, Dẫn theo Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr. 35-36.

<sup>16</sup> <https://baomoi.com/trung-quoc-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-dat-ky-luc-nam-2012/c/11897177.epi>

châu Á, qua đó làm bàn đạp vững chắc để mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Riêng trong quan hệ với Hàn Quốc, nước này cũng không ngừng thúc đẩy sự hợp tác trên các diễn đàn khu vực, quốc tế và trong khuôn khổ cơ chế đàm phán tìm kiếm giải pháp hòa bình trên bán đảo Triều Tiên. Trung Quốc muốn thông qua vai trò trung gian hòa giải, tranh thủ sự đồng thuận, tăng cường sự ảnh hưởng của mình đối với Hàn Quốc.

Bên cạnh đó, việc tăng cường ngoại giao nhân dân, giáo dục, trao đổi văn hóa, quảng bá các giá trị Trung Hoa ra thế giới cũng là một kênh quan trọng mà các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc tận dụng tối đa để gia tăng “sức mạnh mềm”, truyền tải những hình ảnh tích cực của mình ra thế giới bên ngoài, quảng bá “*mô hình Trung Quốc*”. Chính phủ nước này kêu gọi cải cách trật tự quốc tế hiện nay nhằm giành được sự công bằng, dân chủ giữa các nước lớn, một sự thịnh vượng kinh tế chung và sự đa dạng về văn hóa và tư tưởng, giải quyết hòa bình các xung đột quốc tế<sup>17</sup>. Trong quá trình này, chính giới Trung Quốc rất chú trọng đến công tác truyền thông nhằm tận dụng sức mạnh của truyền thông như một kênh phát ngôn ngoại giao, định hướng dư luận và quảng bá ra thế giới các giá trị quan, hình ảnh quốc tế của mình. Chính phủ Trung Quốc cũng cho phép các công ty tư nhân và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực truyền thông và giải trí (phim ảnh, truyền hình, ca nhạc...), thông qua liên kết với các công ty truyền thông Nhà nước<sup>18</sup>. Mặt khác, Trung Quốc không ngừng nỗ lực phát triển mạng lưới giáo dục Hán ngữ qua các Trung tâm văn hóa và Viện nghiên cứu được thành lập ở nước ngoài nhằm mục tiêu sâu xa là để truyền bá kiến thức, giao lưu văn hóa, đưa các giá trị bản sắc Trung Hoa vươn ra thế giới. Ngoài ra, làn sóng di cư và du lịch của người Trung Quốc trên khắp toàn cầu cũng góp phần làm tăng cường hình ảnh của một nước Trung Hoa đang trỗi dậy mạnh mẽ và gia tăng sức mạnh mềm của quốc gia này trên thế giới, trong đó có Hàn Quốc.

Có thể khẳng định, bước sang thế kỷ XXI, Trung Quốc đã và đang trở thành một cường quốc kinh tế - chính trị thế giới. Điều này đang làm thay đổi cán cân quyền lực trên bàn cờ địa chính trị thế toàn cầu, trước hết là ở Đông Á theo hướng lấy Trung Quốc làm trung tâm, đồng thời thu hẹp ảnh hưởng của các nước lớn tại khu vực trọng yếu này. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc giúp cho quốc gia này có điều kiện gia tăng sự ảnh hưởng trên thế giới, nhưng mặt khác cũng làm cho nhiều nước trở nên thận trọng hơn trong quan hệ với Trung Quốc vì những mặt trái của quá trình hợp tác do nước này tạo ra.

---

<sup>17</sup> Wang Jian, *Soft Power in China: Public Diplomacy through Communication*, Hongying Wang, Chapter 3 : *China's Image Projection and Its Impact* , Basingstoke : Palgrave Macmillan, 2011.

<sup>18</sup> <https://dhtn.ttxvn.org.vn/tintuc/su-phat-trien-manh-m-cua-truyen-thong-trung-quoc-2991>



### 1.2.2.2. Chính sách đối ngoại mới của Trung Quốc

Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc lần thứ 14 (1992) đã xác định nhiều nội dung quan trọng của CSĐN, trong đó có việc tích cực phát triển quan hệ đối ngoại, tranh thủ môi trường quốc tế thuận lợi để tiếp tục nỗ lực cải cách mở cửa và hiện đại hóa đất nước; không ngừng phát triển quan hệ hữu nghị láng giềng tốt đẹp với các nước xung quanh, tăng cường đoàn kết và hợp tác với các nước đang phát triển. Từ Đại hội 16 của Đảng (2002), Thuyết ba đại diện (Three Represents Theory) của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân chính thức thay thế cho tư tưởng ngoại giao Trung Quốc vốn từ thời của Đặng Tiểu Bình nhằm xây dựng “*Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc*” trong giai đoạn mới. Báo cáo Chính trị tại Đại hội 17 của Đảng (2007) nhấn mạnh lại tư tưởng trước sau như một bước theo con đường “*phát triển hòa bình*” làm phương châm và chiến lược của ngoại giao Trung Quốc trong thời kỳ mới: “*tiếp tục quán triệt phương châm ngoại giao thân thiện và làm bạn với láng giềng, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác thực sự với láng giềng, tích cực triển khai hợp tác khu vực, cùng tạo ra môi trường khu vực hòa bình, ổn định, bình đẳng và hợp tác cùng có lợi*”<sup>19</sup>.

Với khu vực Đông Bắc Á, Trung Quốc đặt mục tiêu xây dựng khu vực ổn định về chính trị - an ninh, loại bỏ các nguy cơ đối với an ninh khu vực; tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại đa phương và song phương, tiến tới phá thế kiềm chế của liên minh Mỹ - Nhật - Hàn, thiết lập các cơ chế đối thoại hợp tác Trung - Nhật - Hàn, thúc đẩy xu thế hòa dịu và chủ động phát huy vai trò chủ đạo của Trung Quốc trong các vấn đề khu vực. Riêng đối với Hàn Quốc, chiến lược ngoại giao của Trung Quốc tập trung vào các điểm chính sau: Thi hành chính sách láng giềng thân thiện, tăng cường hợp tác kinh tế, chính trị, giao lưu văn hóa, khoa học, thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển; đối với các vấn đề hợp tác chung, Trung Quốc sẽ tăng cường hợp tác với Hàn Quốc trong vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, tiến tới xây dựng các cơ chế hòa giải hai miền, đảm bảo an ninh khu vực Đông Bắc Á; không ngừng mở rộng ảnh hưởng, thông qua phát triển hợp tác kinh tế và chính trị để lôi kéo Hàn Quốc, làm suy giảm sự ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực CA - TBD<sup>20</sup>.

Ngoài ra, còn phải kể đến dấu ấn cá nhân của các nguyên thủ hai nước trong quá trình này mà trong phạm vi một bài viết, chúng tôi không có điều kiện phân tích. Đây là các tổng thống Roh Tae-Woo, Kim Dae-Jung, Lee Myung-Bak (Hàn Quốc); các tổng bí thư kiêm chủ tịch nước Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào (Trung Quốc).

Rõ ràng Trung Quốc đang ngày càng nỗ lực tập trung khai sức mạnh tổng hợp quốc gia, đồng thời tranh thủ thời cơ lôi kéo các nước, trong đó có Hàn Quốc có vị trí

---

<sup>19</sup> Báo cáo do Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trình bày tại Đại hội 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 15/10/2007.

<sup>20</sup> Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr. 50-51.

quan trọng, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược sớm trở thành một cực quyền lực chi phối cục diện chính trị toàn cầu.

## **2. VÀI NÉT CHÍNH VỀ TIẾN TRÌNH QUAN HỆ KINH TẾ HÀN QUỐC - TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1992 - 2012**

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay, quan hệ hai nước đang theo hướng phát triển mở rộng trên các lĩnh vực, đặc biệt về kinh tế. Trong khuôn khổ một bài viết, chỉ xin khái quát vài nét chính yếu sau:

### **2.1. Quan hệ thương mại**

Trong giai đoạn 1992- 2002, trên cơ sở quan hệ chính trị - ngoại giao ngày càng ổn định và tăng cường, nhiều hiệp định giữa Chính phủ hai nước đã lần lượt được ký kết. Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Trung Quốc, năm 1992 kim ngạch thương mại hai chiều đạt 5,06 tỷ USD, đến năm 1997 tăng lên 24,06 tỷ USD. Cuối năm 1997, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 3 của Hàn Quốc và Hàn Quốc cũng trở thành đối tác thương mại lớn thứ 5 của Trung Quốc <sup>21</sup>. Trong vòng 10 năm, cho dẫu có nhiều sự kiện tác động đến sự trao đổi thương mại chung giữa hai nước như sự kiện khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á năm 1997 - 1998, vấn đề về việc chống bán phá giá tòi từ Trung Quốc vào Hàn Quốc cuối năm 2001 đã tác động không nhỏ đến quan hệ trao đổi buôn bán hàng hóa giữa hai bên... nhưng quan hệ thương mại song phương đã có sự gia tăng mạnh mẽ từ khoảng 3.25 tỷ USD năm 1991 lên đến hơn 44 tỷ USD năm 2002, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm luôn được duy trì gần 24.4%. Đến năm 2001, Hàn Quốc trở thành bạn hàng đối tác thương mại lớn thứ 4 của Trung Quốc, chiếm khoảng 7% tổng kim ngạch thương mại quốc tế của Trung Quốc.

Trong giai đoạn 2002-2012, quan hệ thương mại hai nước tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ. Năm 2003, Trung Quốc đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Hàn Quốc <sup>22</sup>. Năm 2005, lần đầu tiên kim ngạch thương mại hai chiều vượt qua mốc 100 tỷ USD và liên tục 4 năm duy trì ở mức tăng trưởng cao trên 16%. Năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á nên xuất hiện tăng trưởng âm, ở mức -16%, nhưng ngay sau đó vào năm 2010 kim ngạch thương mại song phương lại tiếp tục theo chiều đi lên, vượt ngưỡng 200 tỷ USD, tăng trưởng ở mức 33%. Năm 2011, kim ngạch thương mại hai chiều đã chiếm 20% trong tổng kim ngạch thương mại quốc tế của Hàn Quốc và chiếm 7% trong tổng kim ngạch thương mại quốc tế của Trung

---

<sup>21</sup> Thông cáo chung Trung - Hàn ngày 7/11/1998, [http://news.xinhuanet.com/world/2006-12/19/content\\_5508256.htm](http://news.xinhuanet.com/world/2006-12/19/content_5508256.htm), ngày 19/12/2006

<sup>22</sup> Dẫn theo Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr. 45-46.

Quốc. Tính từ năm 2002 đến cuối năm 2012, tổng kim ngạch thương mại hai chiều Trung - Hàn bình quân tăng trưởng ở mức 20%. Bước vào giai đoạn 10 năm lần thứ hai sau khi nối lại quan hệ hai nước, kết cấu thương mại hai chiều xuất hiện sự chuyển dịch từ kết cấu thương mại nội ngành theo chiều dọc sang thương mại nội ngành theo chiều ngang. Đến năm 2010, các mặt hàng chính mà Trung Quốc xuất sang Hàn Quốc là: thiết bị điện tử, sản phẩm chế tạo điện tử công nghiệp, sản phẩm chế tạo tàu điện, sản phẩm chế tạo từ sợi, hóa chất, nguyên liệu dệt, quần áo, than đá, dầu thô, quặng kim loại màu, thức ăn chăn nuôi và nhập khẩu từ Hàn Quốc các mặt hàng: linh phụ kiện điện tử, sản phẩm hóa dầu, sản phẩm chế tạo điện tử công nghiệp, ô tô và nhiên liệu hóa thạch.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2002 - 2012, vấn đề thâm hụt thương mại giữa Trung Quốc - Hàn Quốc vẫn diễn ra (trong đó Trung Quốc là nước nhập siêu) và có xu hướng gia tăng do nhiều nguyên nhân. *Một là*, kết cấu trong ngành công nghiệp hai nước không giống nhau, Hàn Quốc tiến hành công nghiệp hóa sớm nên kết cấu trong ngành công nghiệp cao hơn, mặt khác do yếu tố địa lý thuận lợi nên Trung Quốc dễ dàng nhập khẩu nhiều mặt hàng công nghiệp từ Hàn Quốc hơn là các nước công nghiệp khác. *Hai là*, do sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế Trung Quốc và làn sóng đầu tư trực tiếp (FDI) từ Hàn Quốc đến Trung Quốc trong giai đoạn này tăng mạnh dẫn đến việc nhập khẩu từ Hàn Quốc tăng mạnh. *Ba là*, giá cả các mặt hàng của Hàn Quốc có tính cạnh tranh hơn so với các nước công nghiệp khác do giá rẻ, chất lượng lại tốt. *Bốn là*, hàng rào thương mại của Hàn Quốc đã làm ảnh hưởng đến việc thâm nhập của các sản phẩm từ Trung Quốc vào Hàn Quốc rất nhiều, trong khi Hàn Quốc lại ngày càng đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc.

**Bảng 1:** Kim ngạch thương mại Trung Quốc - Hàn Quốc (1991- 2012), đơn vị: tỷ USD

Năm	Kim ngạch xuất khẩu	Kim ngạch nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Thặng dư thương mại
1991	2,18	1,07	3,25	1,11
1992	2,44	2,62	5,06	- 0,18
1993	2,86	5,36	8,22	- 2,50
1994	4,40	7,32	11,72	- 2,92
1995	6,69	10,29	16,98	- 3,40
1996	7,50	12,48	19,98	- 4,98
1997	9,13	14,93	24,06	- 5,80
1998	6,25	15,01	21,26	- 8,76
1999	7,81	17,23	25,04	- 9,42
2000	11,29	23,21	34,50	- 11,92
2001	12,52	23,39	35,91	- 10,87
2002	15,50	28,57	44,07	- 13,07
2003	20,10	43,13	63,23	- 23,03
2004	27,82	62,25	90,07	- 34,43

2005	35,11	76,82	111,93	- 41,70
2006	44,53	89,78	134,31	- 39,25
2007	56,14	103,76	159,90	- 47,62
2008	73,95	112,16	186,11	- 38,21
2009	53,68	102,55	156,23	- 48,87
2010	68,77	138,4	207,17	- 69,63
2011	86,43	134,2	220,63	- 47,79
2012	80,78	134,33	215,11	- 53,55

*Nguồn: Men Hong Hua, Shin Jung Seung (2014), Hợp tác Đông Bắc Á và quan hệ Trung – Hàn, Nxb Kinh tế Trung quốc, Bắc Kinh, tr. 214 và 224; Dẫn theo: Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr. 46 và 53.*

### 2.1.2. Quan hệ đầu tư

Trong những năm 1992 - 2002, do Trung Quốc đang ở giai đoạn chú trọng, đẩy mạnh trao đổi thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài, tranh thủ nguồn vốn và khoa học công nghệ hiện đại do đó các hạng mục FDI của Trung Quốc vào Hàn Quốc mới chỉ dừng ở giai đoạn khởi đầu với tổng số vốn tích lũy rất nhỏ, tính từ năm 1992 đến cuối năm 2002 chỉ đạt hơn 465 triệu USD với 3.091 dự án còn hiệu lực.

Kể từ khi Trung Quốc thực hiện chiến lược “bước ra ngoài” vào năm 2001, Hàn Quốc nhanh chóng trở thành một trong những điểm đến đầu tư chủ yếu của doanh nghiệp Trung Quốc. Năm 2004, đã đánh dấu chiến lược đầu tư ra bên ngoài của doanh nghiệp Trung Quốc lần đầu tiên đưa tổng số vốn đầu tư của Trung Quốc vào Hàn Quốc đạt mức 1,165 tỷ USD. Năm 2005, mặc dù tổng số hạng mục đầu tư vào Hàn Quốc tăng lên 672 dự án nhưng kim ngạch chỉ dừng ở mức hơn 68,4 triệu USD. Đến năm 2010, tổng vốn tích lũy mà Trung Quốc đầu tư vào Hàn Quốc là 12 tỷ USD, xếp thứ 15 trong bảng danh sách các nước nhận đầu tư từ Trung Quốc<sup>23</sup>. Có thể nói, quan hệ Trung - Hàn trong giai đoạn 2002 - 2012 đạt được nhiều chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Điểm sáng nổi bật nhất vẫn là quan hệ kinh tế khi kim ngạch thương mại hai chiều tiếp tục tăng trưởng cao, đặc biệt là năm 2010 đánh dấu mốc lịch sử trong thương mại song phương. Ngoài ra, vốn FDI của Trung Quốc đổ vào Hàn Quốc cũng đang gia tăng nhanh chóng, khác hẳn với giai đoạn trước đó khi Trung Quốc chủ yếu nhận đầu tư từ phía Hàn Quốc.

Tóm lại, thông qua chiến lược phát triển quan hệ thương mại song phương làm tăng tính tùy thuộc lẫn nhau, Trung Quốc đã đưa quan hệ với Hàn Quốc tiến thêm sang các lĩnh vực hợp tác mới mẻ khác mà trước đây được xem là nhạy cảm, khó chạm đến. Thông qua các lĩnh vực quan hệ, có thể thấy Trung Quốc ngày càng tự tin, thể hiện vai trò muốn làm chủ “cuộc chơi”. Do vậy, để tận dụng tốt thời cơ và không bị rơi

<sup>23</sup> Phạm Văn Khải (2016), Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012), Tlđđ, tr. 48 và 54-55.

vào thế “lưỡng nan” bị lôi kéo giữa các nước lớn, đòi hỏi Hàn Quốc phải duy trì được chính sách đối ngoại linh hoạt, cân bằng, mặt khác, phải không ngừng nâng cao được tiềm lực tổng hợp của quốc gia.

### 3. VÀI NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ KINH TẾ HÀN QUỐC - TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1992 - 2012

#### 3.1. Những đặc điểm nổi bật trong quan hệ kinh tế hai nước

Qua nghiên cứu quan hệ kinh tế Hàn Quốc - Trung Quốc trong những năm 1992 - 2012, có thể rút ra những đặc điểm nổi bật sau:

*Thứ nhất*, Trung Quốc và Hàn Quốc là hai nước có nhiều sự khác biệt về chế độ chính trị - xã hội và lịch sử phát triển của mỗi quốc gia trong giai đoạn Chiến tranh lạnh. Mỗi quan hệ kinh tế giữa hai nước thường xuyên bị tác động từ nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, bên trong và bên ngoài trong các vấn đề kinh tế; *Thứ hai*, đây là quan hệ kinh tế giữa một “*cường quốc khu vực*” có nền kinh tế phát triển trên thế giới (thành viên của OECD) với một cường quốc đang trỗi dậy, có nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ. Trong hơn 20 năm qua, cùng sự chuyển mình mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc, quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia đã có sự thay đổi quan trọng, Trung Quốc giờ đây đã có thể tạo ra những giá trị quan hệ đồng cấp với Hàn Quốc trong một số khía cạnh trên lĩnh vực kinh tế; *Thứ ba*, quan hệ kinh tế Hàn - Trung chịu sự tác động của các mối quan hệ chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, văn hóa, xã hội và có tác động trở lại đối với các lĩnh vực quan hệ này; *Thứ tư*, quan hệ kinh tế Hàn - Trung chịu sự chi phối rõ nét của chủ nghĩa dân tộc cũng như dấu ấn cá nhân (chính sách đối ngoại) của các nguyên thủ hai nước (Tổng thống Hàn Quốc, Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước Trung Quốc); *Thứ năm*, quan hệ kinh tế hai nước chịu sự chi phối mạnh mẽ của các nước lớn, *đặc biệt là Mỹ, Nhật Bản* cũng như của Triều Tiên. Mặt khác, chịu sự tác động của cơ chế hợp tác đa phương (ASSEAN + 3, ASEAN + 1, EAS, ...); *Thứ sáu*, quan hệ kinh tế hai nước đã có tác động đến bản thân mỗi nước cũng như khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam.

#### 3.2. Tác động của quan hệ Trung - Hàn

##### 3.2.1. Đối với hai nước

Sự phát triển kinh tế trong quan hệ giữa Hàn Quốc với Trung Quốc đem lại những lợi ích cho bản thân mỗi nước.

##### 3.2.1.1. Đối với Hàn Quốc

Do Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại hàng đầu của Hàn Quốc do đó trong chiến lược quốc gia, Hàn Quốc xem Trung Quốc là một đối tác chiến lược chủ

chốt, đóng góp quan trọng cho sự thịnh vượng, phát triển và tăng trưởng ổn định của đất nước này.

Trung Quốc là một trong những nền kinh tế lớn nhất thế giới với thị trường tiêu thụ khổng lồ nhiều tiềm năng nhưng nền kinh tế Trung Quốc lại đang trong giai đoạn phát triển nên quốc gia này rất cần tới công nghệ, nguyên nhiên liệu, sản phẩm trung gian phục vụ sản xuất mà Hàn Quốc có thể đáp ứng một phần. Bên cạnh đó, Trung Quốc lại có lợi thế cạnh tranh về địa lý cận kề, cơ sở hạ tầng tốt, nguồn nhân công rẻ nên Hàn Quốc có nhiều cơ hội để tận dụng, tranh thủ tăng cường trao đổi xúc tiến thương mại, đầu tư vào Trung Quốc.

Phát triển quan hệ với Trung Quốc rõ ràng sẽ đem lại cho Hàn Quốc nhiều lợi ích to lớn về kinh tế, thúc đẩy quá trình tăng trưởng và phát triển, đồng thời với sự hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực chính trị cùng Trung Quốc cũng giúp Hàn Quốc tận dụng cơ hội để giải quyết vấn đề bán đảo Triều Tiên, đảm bảo duy trì các cơ chế đối thoại, tìm kiếm giải pháp hòa bình, ổn định trên bán đảo này. Tuy nhiên, một thách thức không nhỏ đặt ra cho Hàn Quốc là phải giải quyết bài toán cân bằng quan hệ giữa hai nước lớn là Mỹ và Trung Quốc, sự sa đà vào mối quan hệ gần gũi với Trung Quốc để rơi vào cái gọi là “giấc mộng Trung Hoa” sẽ khiến cho quan hệ Hàn - Mỹ, Hàn - Nhật vượt qua một cây cầu không bao giờ trở lại được<sup>24</sup>.

### 3.2.1.2. Đối với Trung Quốc

Những nỗ lực cải thiện, tăng cường hợp tác và phát triển quan hệ với Hàn Quốc nói chung và quan hệ kinh tế nói riêng đã đem lại cho Trung Quốc những kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng và trỗi dậy về kinh tế của quốc gia này, nhưng mặt khác cũng đặt ra cho Trung Quốc một số thách thức, khó khăn phải giải quyết.

Quan hệ thương mại hai chiều được xem là một trong những thành công lớn nhất và cũng là trụ cột chính của Trung Quốc trong chiến lược phát triển quan hệ với Hàn Quốc. Mặt khác, sự tăng trưởng vượt bậc trong công cuộc cải cách kinh tế mỗi nước đã tạo ra cơ hội hợp tác mạnh mẽ, đem lại lợi ích cho cả hai nước trong quá trình phát triển. Đặc biệt, đối với Trung Quốc, trong giai đoạn đầu khi mới thiết lập quan hệ ngoại giao, Trung Quốc khi đó mới chỉ bắt đầu bước vào quá trình hội nhập quốc tế, trình độ sản xuất, khoa học và công nghệ còn thấp kém so với Hàn Quốc - quốc gia đồng minh chiến lược của Mỹ có nền kinh tế công nghiệp phát triển. Việc gia tăng phát triển quan hệ thương mại với Hàn Quốc đã giúp cho Trung Quốc tận dụng được nguồn lực về vốn, khoa học và công nghệ tiên tiến thông qua làn sóng đầu tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc vào Trung Quốc.

---

<sup>24</sup> Phạm Văn Khải (2016), *Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012)*, Tlđđ, tr.69.

Trong 20 năm (1992 - 2012), kinh tế chính là lĩnh vực phát triển và thúc đẩy mạnh mẽ cho sự liên kết và hòa hợp giữa hai quốc gia. Thông qua sợi dây liên kết kinh tế, các yếu tố chính trị - ngoại giao, văn hóa, an ninh đã tạo ra những bước tiến phát triển mạnh mẽ trong quan hệ Trung - Hàn.

### 3.2.2. Đối với khu vực Đông Á

Đều là những nền kinh tế lớn trên thế giới, đóng vai trò là đầu tàu, thúc đẩy kinh tế khu vực tăng trưởng, quan hệ thương mại, đầu tư song phương Hàn - Trung phát triển có tác dụng tích cực đến quá trình tăng trưởng kinh tế chung của khu vực. Tính đến cuối năm 2010, tổng thu nhập quốc nội (GDP) của Trung Quốc đã đạt 6.988 tỷ USD<sup>25</sup>, vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Về phía Hàn Quốc sau hơn 30 năm tiến hành công nghiệp hóa đất nước đã nhanh chóng vươn lên trở thành một nền kinh tế phát triển, là thành viên của tổ chức OECD vào năm 1996, có quy mô kinh tế lớn thứ 4 ở khu vực châu Á và đứng thứ 11 trên toàn thế giới. Với sự phát triển mạnh mẽ trong hoạt động trao đổi thương mại hai chiều và ký kết FTA song phương (vào cuối năm 2015) có tác động không nhỏ đến hoạt động thương mại của khu vực, tạo ra một thị trường rộng lớn với sức tiêu thụ khổng lồ, mở ra cơ hội cho các nước đã ký kết FTA với Hàn Quốc và Trung Quốc có thể tranh thủ tận dụng cơ hội đầu tư, buôn bán. Ngoài ra, Hàn Quốc đã ký kết hiệp định thương mại tự do với Mỹ (chính thức có hiệu lực vào ngày 15/3/2012) và EU, những thị trường lớn hàng đầu thế giới với trình độ khoa học hiện đại, cũng giúp Trung Quốc tận dụng được thị trường rộng lớn để đi ra thế giới nhanh hơn qua hoạt động thương mại, đầu tư và hợp tác kinh tế với Hàn Quốc.

Bên cạnh đó, Đông Á là nơi có sự hiện diện lợi ích chiến lược của các nước lớn, đặc biệt là Mỹ với các đồng minh truyền thống ở đây. Do vậy, Đông Á nói riêng và khu vực CA - TBD nói chung chính là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng quyết liệt giữa các nước lớn trên thế giới. Điều này vừa đem đến những cơ hội cho các nước trong khu vực nhưng cũng tạo ra những thách thức không nhỏ như sự chia rẽ, tạo hố sâu ngăn cách, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định, xảy ra xung đột... mà các quốc gia đều cần phải tính đến.

### 3.2.3. Đối với Việt Nam

Đều là đối tác chiến lược quan trọng của Việt Nam, nền kinh tế Việt Nam cũng được hưởng những lợi ích nhất định từ quan hệ kinh tế Hàn - Trung. Trong những năm qua, Hàn Quốc luôn nằm trong danh sách những quốc gia, lãnh thổ là có nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. So với Việt Nam, Trung Quốc là nước láng giềng của Hàn Quốc, có lợi thế cạnh tranh về nguồn lao động giá rẻ, cơ sở hạ tầng

---

<sup>25</sup> Top 10 Largest Economies In The World 2012, <https://exploredia.com/top-10-largest-economies-in-the-world-2011/>, ngày 16/10/2011.

tốt, phía Đông Trung Quốc nằm trên con đường hàng hải quan trọng của quốc tế, một thị trường tiêu thụ khổng lồ do đang trong quá trình phát triển. Vì thế, một khi FTA Trung - Hàn có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội đầu tư rất lớn cho Hàn Quốc từ những nguồn vốn ngày càng lớn đổ vào từ Trung Quốc và điều này tác động không nhỏ đến chiến lược thu hút vốn FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam. Bên cạnh đó, với chính sách thu hút FDI và những FTA đã ký với Mỹ và EU của Hàn Quốc, nhất định sẽ thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc, điều này cũng phần nào làm cho doanh nghiệp Trung Quốc cân nhắc hơn khi đầu tư tại Việt Nam. Mặt khác, mặt hàng chủ lực mà Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc có giá trị cao như dệt may, máy móc, thiết bị, hàng thủy sản... sẽ phải cạnh tranh về giá cả và thị trường với Trung Quốc trong thời gian tới vì đây cũng là những mặt hàng mà Trung Quốc có lợi thế so sánh. Đây là điều Việt Nam cần phải cân nhắc kỹ trong quan hệ kinh tế với hai quốc gia nói trên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo do Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trình bày tại Đại hội 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 15/10/2007.
- [2]. Ngô Xuân Bình (Cb) (2014), *Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Byung - NakSong (2002), *Kinh tế Hàn Quốc đang trỗi dậy*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [4]. Hoàng Văn Hiến (Chủ biên), *Lịch sử quan hệ quốc tế 1945-1995*, Nxb Đà Nẵng, 2004.
- [5]. Hoàng Văn Hiến, *Một số vấn đề về quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại (1945-2000)*, Giáo trình chuyên đề, Trường Đại học Khoa học Huế, 2003.
- [6]. Phạm Văn Khải (2016), *"Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992 - 2012)"*, Luận văn Thạc sĩ Quốc tế học.
- [7]. Phan Thị Anh Thư (2017), *Giải mã chính sách của Hàn Quốc đối với Đông Bắc Á từ sau Chiến tranh lạnh đến đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Nahm, Andrew (1994), *Introduction to Korean History and Culture*, 3<sup>rd</sup> Edition, The United States and The Republic of Korea, p. 216-217.
- [9]. Roh Tae Woo (1988), *"Special Declaration on National Self-esteem, Unification and Prosperity"* (The July 7<sup>th</sup> Declaration) Korea and World Affairs, Vol.12, No.3, Fall 1988, pp. 627-630.
- [10]. Government Information Agency of Republic of Korea (1992), *The White Book for State Affairs* (Seoul, GIA).
- [11]. Top 10 Largest Economies In The World 2012, <https://exploredia.com/top-10-largest-economies-in-the-world-2011/>, ngày 16/10/2011.
- [12]. Wang Jian, *Soft Power in China: Public Diplomacy through Communication*, Hongying Wang, Chapter 3 : *China's Image Projection and Its Impact*, Basingstoke : Palgrave Macmillan, 2011.



- [13]. Thông cáo chung Trung - Hàn ngày 7/11/1998, [http://news.xinhuanet.com/world/2006-12/19/content\\_5508256.htm](http://news.xinhuanet.com/world/2006-12/19/content_5508256.htm), ngày 19/12/2006
- [14]. <https://baomoi.com/trung-quoc-dau-tu-ra-nuoc-ngoai-dat-ky-luc-nam-2012/c/11897177.epi>
- [15]. <https://dhtn.ttxvn.org.vn/tintuc/su-phat-trien-manh-m-cua-truyen-thong-trung-quoc-2991>

## A BRIEF REVIEW OF ECONOMIC RELATION BETWEEN SOUTH KOREA AND CHINA (1992 - 2012)

**Doan Minh Triết**

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: [trietdoanminh2010@gmail.com](mailto:trietdoanminh2010@gmail.com)

### ABSTRACT

On 24<sup>th</sup> August 1992, South Korea and China officially established the formal diplomatic relation. After more than 20 years, the relation between South Korea and China had been maintained, consolidated and developed in many fields, importantly in economy as the solid foundation of this relation. Some issues however arised and needed solving toward both sides. On the basic of analyzing the impacts, processes and the facts of economic relation between South Korea and China (1992 - 2012), the article evaluated the challenges, multidimensional impact of this relationship, simultaneously provided some effective, opportunities and impact on Northeast Asia Region, Vietnam, China and South Korea.

**Keywords:** economic, normalization of diplomatic relations, realities, trend forecast.



**Đoàn Minh Triết** sinh ngày 19/09/1991 tại Thừa Thiên Huế. Năm 2013, ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Đông phương học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2013, ông là giảng viên tại Khoa Việt Nam học, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Hiện ông đang làm NCS chuyên ngành lịch sử thế giới tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Khu vực học, Việt Nam học, Quan hệ quốc tế.

